

QUỐC HỘI KHÓA XIV
ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI
TỈNH ĐIỆN BIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Điện Biên, ngày 17 tháng 02 năm 2021

Số **17** /ĐĐBQH-VP
V/v lấy ý kiến tham gia vào Dự thảo
Luật Phòng, chống ma túy

AN PHÒNG HĐND-UBND H.NĂM P.C.

ĐẾN Số: **754**
Ngày: **18/02/2021**
Chuyên:
Lưu hồ sơ số:

Kính gửi:

- Các vị đại biểu Quốc hội tỉnh khóa XIV;
- Thường trực HĐND, UBND và Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các sở, ban, ngành: Công an tỉnh; Bộ đội Biên phòng tỉnh; Hải quan; Y tế; Lao động, Thương binh và Xã hội; Tư pháp; Ban Pháp chế HĐND tỉnh; Hội Luật gia;
- Thường trực HĐND và UBND các huyện, thị xã, thành phố.

Thực hiện chương trình xây dựng Luật năm 2021 của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội kính gửi các vị đại biểu Quốc hội tỉnh, các cơ quan, đơn vị, địa phương Dự thảo Luật Phòng, chống ma túy dự kiến trình tại kỳ họp thứ 11, Quốc hội khóa XIV để lấy ý kiến tham gia (*kèm theo Dự thảo Luật và Dự thảo Báo cáo giải trình, tiếp thu Dự thảo Luật*).

Ý kiến tham gia bằng văn bản gửi về Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh trước ngày 26/02/2021 và gửi file mềm về địa chỉ email: maihong@quochoi.vn.

Đề nghị các vị đại biểu Quốc hội tỉnh, các cơ quan, đơn vị, địa phương quan tâm nghiên cứu, tham gia ý kiến vào Dự thảo Luật./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo, chuyên viên Văn phòng;
- Cổng thông tin Đoàn ĐBQH & HĐND tỉnh;
- Lưu: VT.

TM. ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI
KT. TRƯỞNG ĐOÀN
PHÓ TRƯỞNG ĐOÀN



Lò Thị Luyến

Luật số:...../20..../QH...

**DỰ THẢO NGÀY 05.02.2021
XIN Ý KIẾN ĐOÀN ĐBQH**

LUẬT

PHÒNG, CHỐNG MA TÚY

*Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
Quốc hội ban hành Luật Phòng, chống ma túy.*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Luật này quy định về phòng, *chống ma túy*; quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy; cai nghiện ma túy; trách nhiệm của cá nhân, gia đình, cơ quan, tổ chức trong phòng, chống ma túy; quản lý nhà nước và hợp tác quốc tế về phòng, chống ma túy.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Chất ma túy là chất gây nghiện, chất hướng thần được quy định trong danh mục *chất ma túy* do Chính phủ ban hành.
2. Chất gây nghiện là chất kích thích hoặc ức chế thần kinh, dễ gây tình trạng nghiện đối với người sử dụng.
3. Chất hướng thần là chất kích thích, ức chế thần kinh hoặc gây ảo giác, nếu sử dụng nhiều lần có thể dẫn tới tình trạng nghiện đối với người sử dụng.
4. Tiền chất là các hóa chất không thể thiếu được trong quá trình điều chế, sản xuất chất ma túy được quy định trong danh mục *tiền chất* do Chính phủ ban hành.
5. Thuốc thú y có chứa chất ma túy hoặc tiền chất là thuốc thú y được quy định trong danh mục do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành.
6. Cây có chứa chất ma túy bao gồm cây thuốc phiện (cây anh túc), cây cô ca, cây cần sa hoặc các loại cây khác có chứa chất ma túy do Chính phủ quy định.

7. Phòng, chống ma túy là phòng ngừa, ngăn chặn, đấu tranh chống tội phạm và tệ nạn ma túy; kiểm soát các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy.

8. Tệ nạn ma túy là việc sử dụng trái phép chất ma túy, nghiện ma túy và các hành vi vi phạm pháp luật về ma túy mà chưa đến mức hoặc không bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

9. Các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy bao gồm hoạt động nghiên cứu, giám định, sản xuất, vận chuyển, bảo quản, tồn trữ, mua bán, phân phối, sử dụng, xử lý, trao đổi, nhập khẩu, xuất khẩu, quá cảnh; tạm nhập, tái xuất; tạm xuất, tái nhập chất ma túy, tiền chất, thuốc thú y có chứa chất ma túy hoặc tiền chất và thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cho phép.

10. Kiểm soát các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy là việc cho phép, theo dõi, kiểm tra, giám sát các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy và phòng ngừa, ngăn chặn việc lợi dụng các hoạt động đó vào mục đích pháp luật cấm.

11. Người sử dụng trái phép chất ma túy là người có hành vi sử dụng chất ma túy mà không được sự cho phép của người hoặc cơ quan chuyên môn có thẩm quyền và xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể có kết quả dương tính.

12. Xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể là việc thực hiện các kỹ thuật chuyên môn nhằm xác định chất ma túy trong cơ thể thông qua mẫu nước tiểu, mẫu máu hoặc các mẫu vật khác của cơ thể người.

13. Người nghiện ma túy là người sử dụng chất ma túy, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần và bị lệ thuộc vào các chất này.

14. Cai nghiện ma túy là quá trình thực hiện các hoạt động hỗ trợ về tâm lý, xã hội, y tế giúp người nghiện ma túy dừng sử dụng chất ma túy, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, phục hồi thể chất, tinh thần, nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi để chấm dứt việc sử dụng trái phép chất ma túy.

Điều 3. Những hành vi bị nghiêm cấm

1. Trồng cây có chứa chất ma túy.

2. Sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, bảo quản, mua bán, phân phối, giám định, xử lý, trao đổi, xuất khẩu, nhập khẩu; tạm nhập, tái xuất; tạm xuất, tái nhập; quá cảnh, nghiên cứu trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất

gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc; thuốc thú y có chứa chất ma túy *hoặc* tiền chất.

3. Giao nhận, quản lý, kiểm soát, lưu giữ, cấp phát chất ma túy, tiền chất; cho phép người sử dụng chất ma túy, thuốc gây nghiện hoặc thuốc hướng thần trái quy định của pháp luật.

4. Sử dụng, tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy; xúi giục, cưỡng bức, rủ rê, dụ dỗ *hoặc bằng các thủ đoạn khác nhằm* lôi kéo, chứa chấp, hỗ trợ việc sử dụng trái phép chất ma túy.

5. Sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, mua bán phương tiện, dụng cụ dùng vào việc sản xuất, sử dụng trái phép chất ma túy.

6. Hợp pháp hóa tài sản do phạm tội về ma túy hoặc liên quan đến tội phạm về ma túy mà có.

7. Chống lại hoặc cản trở việc *xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể, xác định tình trạng nghiện ma túy; cai nghiện ma túy.*

8. Trả thù hoặc cản trở người có trách nhiệm hoặc người tham gia phòng, chống ma túy.

9. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn, nghề nghiệp để vi phạm pháp luật về phòng, chống ma túy.

10. Hướng dẫn trồng cây có chứa chất ma túy, sản xuất trái phép chất ma túy, sử dụng trái phép chất ma túy; quảng cáo, tiếp thị chất ma túy *dưới mọi hình thức.*

11. Kỳ thị, phân biệt đối xử với người cai nghiện ma túy, người sau cai nghiện ma túy.

12. Các hành vi *bị nghiêm cấm khác liên quan đến* ma túy do luật định.

Điều 4. Chính sách của Nhà nước về phòng, chống ma túy

1. Thực hiện đồng bộ các biện pháp phòng, chống ma túy; kết hợp với phòng, chống HIV/AIDS và các tệ nạn xã hội khác.

2. Tăng cường hoạt động tuyên truyền, giáo dục về công tác phòng, chống ma túy, khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia tuyên truyền, giáo dục phòng, chống ma túy.

3. Ưu tiên nguồn lực phòng, chống ma túy cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng sâu, vùng xa, hải đảo, khu vực biên giới; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và phức tạp về ma túy.

4. Cán bộ, chiến sĩ thuộc cơ quan chuyên trách phòng, chống tội phạm về ma túy, người làm công tác cai nghiện ma túy trong các cơ sở cai nghiện ma túy công lập được hưởng chế độ, chính sách ưu đãi phù hợp với tính chất nhiệm vụ theo quy định của Chính phủ.

5. Bảo vệ, hỗ trợ cá nhân, gia đình, cơ quan, tổ chức tham gia phòng, chống ma túy.

6. Khuyến khích người nghiện ma túy tự nguyện cai nghiện ma túy và điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế.

7. Bảo đảm kinh phí cai nghiện ma túy bắt buộc; hỗ trợ kinh phí cai nghiện ma túy tự nguyện, hỗ trợ kinh phí quản lý sau cai nghiện ma túy; người nghiện ma túy cai nghiện tự nguyện trong cơ sở cai nghiện ma túy công lập có hoàn cảnh khó khăn được xét giảm hoặc miễn kinh phí phần không được hỗ trợ.

8. Khuyến khích cá nhân, gia đình, cơ quan, tổ chức tham gia thực hiện việc cai nghiện ma túy tự nguyện cho người nghiện ma túy; hỗ trợ hoạt động cai nghiện ma túy, hỗ trợ quản lý sau cai nghiện ma túy.

Tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài đầu tư vào hoạt động cai nghiện ma túy, hỗ trợ quản lý sau cai nghiện ma túy, phòng, chống tái nghiện ma túy được miễn, giảm tiền thuê đất, thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật. Khuyến khích thành lập cơ sở cai nghiện ma túy do cá nhân, tổ chức thành lập.

9. Khuyến khích nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và ứng dụng công nghệ cao trong phòng, chống ma túy và cai nghiện ma túy.

10. Khen thưởng cá nhân, tập thể có thành tích trong phòng, chống ma túy.

11. Chính phủ quy định chi tiết khoản khoản 7 Điều này.

Điều 5. Nguồn tài chính cho phòng, chống ma túy

1. Ngân sách nhà nước.

2. Nguồn tài trợ, viện trợ, đầu tư, tặng cho, biếu của tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước.

3. Chi trả của gia đình, người nghiện ma túy.

4. Các nguồn tài chính hợp pháp khác.

Chương II

TRÁCH NHIỆM PHÒNG, CHỐNG MA TÚY

Điều 6. Trách nhiệm của cá nhân, gia đình

1. Giáo dục thành viên trong gia đình, thân nhân về tác hại của ma túy và thực hiện quy định của pháp luật về phòng, chống ma túy; quản lý, ngăn chặn thành viên trong gia đình *vi phạm pháp luật về phòng, chống ma túy*.

2. Thực hiện đúng chỉ định của cơ quan chuyên môn về sử dụng thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất để chữa bệnh.

3. Hợp tác với cơ quan chức năng đấu tranh với tội phạm và tệ nạn ma túy; tham gia hỗ trợ hoạt động cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng, tại cơ sở cai nghiện ma túy và điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế; theo dõi, giúp đỡ người *sau* cai nghiện ma túy hòa nhập cộng đồng; phòng, chống tái nghiện ma túy.

4. Cung cấp kịp thời những thông tin về tội phạm và tệ nạn ma túy, việc trồng cây có chứa chất ma túy cho cơ quan Công an hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền; tham gia xóa bỏ cây có chứa chất ma túy do chính quyền địa phương tổ chức.

Điều 7. Trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận, tổ chức kinh tế

1. Tổ chức và phối hợp với cơ quan có thẩm quyền tuyên truyền, phổ biến kiến thức, pháp luật về phòng, chống ma túy trong Nhân dân; vận động Nhân dân tham gia phòng, chống ma túy và thực hiện phong trào "Toàn dân tham gia phòng, chống ma túy".

2. Phòng ngừa, ngăn chặn người của tổ chức mình và mọi công dân vi phạm pháp luật về *phòng, chống ma túy*.

3. Phối hợp với chính quyền các cấp, cơ quan có thẩm quyền vận động *người nghiện ma túy thực hiện biện pháp* cai nghiện ma túy, điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế; tham gia cảm hóa, giáo dục, dạy nghề, tìm việc làm và giúp đỡ người *sau* cai nghiện ma túy hòa nhập cộng đồng; phòng, chống tái nghiện ma túy.

Điều 8. Trách nhiệm của cơ sở giáo dục

1. Tổ chức thực hiện chương trình giáo dục về phòng, chống ma túy; *phổ biến*, giáo dục pháp luật về phòng, chống ma túy cho học sinh, sinh viên, học

viên; quản lý chặt chẽ, ngăn chặn học sinh, sinh viên, học viên *vi phạm pháp luật về phòng, chống ma túy*.

2. Phối hợp với gia đình, cơ quan, tổ chức và chính quyền địa phương để quản lý, giáo dục học sinh, sinh viên, học viên về phòng, chống ma túy.

3. Phối hợp với *cơ sở y tế* và chính quyền địa phương tổ chức xét nghiệm *chất ma túy trong cơ thể* khi cần thiết để phát hiện học sinh, sinh viên, học viên sử dụng trái phép chất ma túy.

Điều 9. Trách nhiệm của cơ quan nhà nước

1. Tổ chức phòng, chống ma túy trong cơ quan, đơn vị; phòng ngừa, ngăn chặn cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc quyền quản lý và cán bộ, chiến sĩ thuộc lực lượng vũ trang nhân dân *vi phạm pháp luật về phòng, chống ma túy*; tuyên truyền, vận động Nhân dân phát hiện, tố giác, đấu tranh với tội phạm và tệ nạn ma túy.

2. Tổ chức thực hiện chủ trương, chính sách của Nhà nước về *quy hoạch, phát triển kinh tế xã hội* để thay thế việc trồng cây có chứa chất ma túy *tại các vùng xóa bỏ cây có chứa chất ma túy*.

Điều 10. Trách nhiệm của các cơ quan báo chí, truyền thông

Cơ quan báo chí, truyền thông có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, đơn vị vũ trang nhân dân tổ chức tuyên truyền chủ trương, chính sách, pháp luật về phòng, chống ma túy; *tổ chức* tuyên truyền, *phổ biến* để Nhân dân nhận thức rõ về tác hại của ma túy.

Điều 11. Cơ quan chuyên trách phòng, chống tội phạm về ma túy

1. *Cơ quan chuyên trách phòng, chống tội phạm về ma túy* bao gồm:

a) *Cơ quan chuyên trách phòng, chống tội phạm về ma túy thuộc Công an nhân dân*;

b) *Cơ quan chuyên trách phòng, chống tội phạm về ma túy thuộc Bộ đội Biên phòng, Cảnh sát biển và Hải quan*.

2. Cơ quan chuyên trách phòng, chống tội phạm về ma túy thuộc Công an nhân dân chủ trì, phối hợp thực hiện các hoạt động phòng ngừa, ngăn chặn và đấu tranh phòng, chống tội phạm về ma túy.

3. Cơ quan chuyên trách phòng, chống tội phạm về ma túy thuộc Bộ đội Biên phòng, Cảnh sát biển, Hải quan, trong phạm vi, trách nhiệm, quyền hạn của mình, chủ trì, phối hợp với cơ quan công an, các cơ quan hữu quan khác thực hiện các hoạt động phòng ngừa, ngăn chặn và đấu tranh phòng, chống tội phạm về ma túy tại khu vực hoặc địa bàn quản lý, kiểm soát.

4. Trên cùng một địa bàn khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của nhiều cơ quan thì cơ quan phát hiện trước có trách nhiệm xử lý theo thẩm quyền do pháp luật quy định; trường hợp vụ việc không thuộc thẩm quyền của mình thì xử lý ban đầu và chuyển giao hồ sơ, người, tang vật vi phạm pháp luật cho cơ quan có thẩm quyền chủ trì giải quyết.

5. Chính phủ quy định cụ thể việc phối hợp của các cơ quan chuyên trách phòng, chống tội phạm về ma túy.

Chương III

KIỂM SOÁT CÁC HOẠT ĐỘNG HỢP PHÁP

LIÊN QUAN ĐẾN MA TÚY

Điều 12. Quản lý các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy

Các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy được quản lý chặt chẽ theo quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 13. Quản lý hoạt động vận chuyển chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc; thuốc thú y có chứa chất ma túy hoặc tiền chất

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân được vận chuyển chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc; thuốc thú y có chứa chất ma túy hoặc tiền chất phải đóng gói, niêm phong theo quy định của cơ quan có thẩm quyền; chịu trách nhiệm về số lượng, chất lượng và có biện pháp bảo vệ an toàn, không để bị thất thoát trong quá trình vận chuyển.

2. Việc vận chuyển các chất, tiền chất, thuốc, nguyên liệu quy định tại khoản 1 Điều này của cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài trên lãnh thổ Việt Nam phải tuân theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Điều 14. Quản lý thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc tại cơ sở kinh doanh dược, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh và cơ sở có hoạt động dược không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược

Việc tồn trữ, bảo quản, kê đơn, cấp phát, sử dụng, tiêu hủy, kinh doanh thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là

dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc tại các cơ sở kinh doanh dược, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh và cơ sở có hoạt động dược không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thực hiện theo quy định của pháp luật về dược.

Điều 15. Quản lý thuốc thú y có chứa chất ma túy hoặc tiền chất

Việc sản xuất, tồn trữ, bảo quản, kê đơn và *mua* bán thuốc thú y có chứa chất ma túy *hoặc* tiền chất để chữa bệnh cho động vật tại các cơ sở thú y thực hiện theo quy định của *Bộ trưởng* Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 16. Nhập khẩu, xuất khẩu; tạm nhập, tái xuất; tạm xuất, tái nhập; vận chuyển quá cảnh chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc; thuốc thú y có chứa chất ma túy *hoặc* tiền chất

1. Cơ quan, tổ chức đủ điều kiện do Chính phủ quy định và đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép được phép nhập khẩu, xuất khẩu; tạm nhập, tái xuất; tạm xuất, tái nhập chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc; thuốc thú y có chứa chất ma túy *hoặc* tiền chất.

2. *Cơ quan, tổ chức* vận chuyển quá cảnh lãnh thổ Việt Nam các chất, *tiền chất*, thuốc, *nguyên liệu* quy định tại khoản 1 Điều này phải có giấy phép quá cảnh do Bộ trưởng Bộ Công an cấp. *Cơ quan, tổ chức* vận chuyển quá cảnh phải gửi đơn và hồ sơ xin phép quá cảnh kèm theo giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu đến Bộ Công an để làm thủ tục *cấp giấy phép*.

Giấy phép quá cảnh được gửi cho *cơ quan, tổ chức* xin phép, Hải quan cửa khẩu nơi có hàng quá cảnh đi qua và các cơ quan khác có liên quan. Giấy phép quá cảnh có giá trị một lần trong thời hạn được ghi trong giấy phép.

Việc vận chuyển quá cảnh các chất, *tiền chất*, thuốc, *nguyên liệu* quy định tại khoản 1 Điều này phải theo đúng hành trình đã ghi trong giấy phép quá cảnh. *Cơ quan, tổ chức* vận chuyển quá cảnh phải làm thủ tục, chịu sự kiểm soát của cơ quan Hải quan và các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam.

3. Mọi trường hợp vận chuyển các chất, *tiền chất*, thuốc, *nguyên liệu* quy định tại khoản 1 Điều này vào, ra hoặc qua lãnh thổ Việt Nam không có giấy phép hoặc không tuân thủ các quy định khác của pháp luật Việt Nam về vận

chuyên, nhập khẩu, xuất khẩu; tạm nhập, tái xuất; tạm xuất, tái nhập; quá cảnh bị coi là vận chuyển trái phép.

Điều 17. Lập hồ sơ các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy

Cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm lập hồ sơ khi tiến hành các hoạt động quy định tại các Điều 13, 14, 15 và 16 của Luật này theo quy định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và thông báo cho các cơ quan có liên quan khi có yêu cầu để phối hợp quản lý, kiểm soát chặt chẽ.

Điều 18. Hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy vì mục đích quốc phòng, an ninh

Việc giao, nhận, vận chuyển, tồn trữ, bảo quản, sử dụng, nhập khẩu, xuất khẩu; tạm nhập, tái xuất; tạm xuất, tái nhập; quá cảnh chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc vì mục đích quốc phòng, an ninh thực hiện theo quy định của Chính phủ.

Điều 19. Vận chuyển, tồn trữ thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất vì mục đích y tế

1. Việc mang theo thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất dự phòng cho việc sơ cứu, cấp cứu trong cuộc hành trình hoặc du lịch quốc tế trên tàu thủy, tàu bay, tàu hỏa, ô tô hoặc các phương tiện vận tải khác không bị coi là mang hàng xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam.

Người chỉ huy hoặc điều khiển phương tiện vận tải có trách nhiệm khai báo với cơ quan Hải quan của Việt Nam, giải trình về số lượng thuốc đã sử dụng và áp dụng các biện pháp an toàn thích hợp để ngăn chặn việc sử dụng không đúng mục đích hoặc vận chuyển trái phép các thuốc đó. Khi cần thiết, các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam được tiến hành kiểm tra, kiểm soát trên các phương tiện vận tải đó.

2. Việc mang theo thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất để điều trị bệnh cho bản thân người nhập cảnh, xuất cảnh hoặc quá cảnh lãnh thổ Việt Nam thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế và phải chịu sự kiểm soát của các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam.

Điều 20. Xử lý chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc; thuốc thú y có chứa chất ma túy hoặc tiền chất thu giữ trong vụ vi phạm pháp luật về ma túy

1. Chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc; thuốc thú y có chứa chất ma túy *hoặc* tiền chất bị tịch thu trong các vụ án hình sự, vụ vi phạm hành chính phải tiêu hủy trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này;

2. Các chất, tiền chất, thuốc, nguyên liệu quy định tại khoản 1 Điều này được sử dụng trong các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy bị chiếm đoạt được trả lại cho chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp.

Điều 21. Xử lý thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc; thuốc thú y có chứa chất ma túy *hoặc* tiền chất kém chất lượng hoặc quá hạn sử dụng

1. Việc xử lý thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc kém chất lượng hoặc quá hạn sử dụng thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế.

2. Việc xử lý thuốc thú y có chứa chất ma túy *hoặc* tiền chất kém chất lượng hoặc quá hạn sử dụng thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Chương IV

QUẢN LÝ NGƯỜI SỬ DỤNG TRÁI PHÉP CHẤT MA TÚY

Điều 22. Xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể

1. Xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể được thực hiện đối với người thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Người bị phát hiện khi đang có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy;

b) Người đang trong thời hạn quản lý theo quy định tại Điều 23 của Luật này;

c) Người mà cơ quan chức năng có căn cứ cho rằng có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy;

d) Người đang trong thời gian bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn do có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; đang cai nghiện ma túy; đang điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế; đang trong thời hạn quản lý sau cai nghiện ma túy.

2. Người đứng đầu cơ sở cai nghiện ma túy, cơ sở điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế; người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy theo quy định của pháp luật xử lý vi phạm hành chính tiến hành xét nghiệm chất ma túy theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan, người có chuyên môn xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể.

3. Nhà nước bảo đảm kinh phí xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể.

Điều 23. Quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy

1. Quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy là biện pháp phòng ngừa nhằm giúp người sử dụng trái phép chất ma túy không tiếp tục sử dụng trái phép chất ma túy và kịp thời ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật của họ.

Quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy không phải là biện pháp xử lý hành chính.

2. Thời hạn quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy là 01 năm kể từ ngày bị xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể cho kết quả dương tính gần nhất.

3. Nội dung quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy bao gồm:

a) Tư vấn, động viên, giáo dục, giúp đỡ người sử dụng trái phép chất ma túy để họ không tiếp tục sử dụng trái phép chất ma túy;

b) Xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể theo yêu cầu của Công an cấp xã không quá 3 lần trong thời hạn quản lý.

4. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tổ chức quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy *cư trú tại địa phương*. Trường hợp người sử dụng trái phép chất ma túy có nhiều nơi cư trú thì giao cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó thường xuyên cư trú quản lý.

5. Khi người sử dụng trái phép chất ma túy thay đổi nơi cư trú thì Công an cấp xã nơi chuyển đi có trách nhiệm thông báo cho Công an cấp xã nơi chuyển đến trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày người sử dụng trái phép chất ma túy chuyển khỏi địa phương để phối hợp theo dõi, quản lý.

6. Các trường hợp dừng quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy bao gồm:

a) Người được xác định là người nghiện ma túy;

b) Người bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy;

c) Người bị đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, trường giáo dưỡng;

d) Người bị Tòa án kết án phạt tù mà không được hưởng án treo nếu thời gian chấp hành án phạt tù dài hơn thời gian còn lại bị quản lý, tù chung thân hoặc tử hình;

đ) Xuất cảnh mà thời gian xuất cảnh dài hơn thời gian còn lại bị quản lý;

e) Người trong danh sách quản lý chết.

Điều 24. Trách nhiệm của người sử dụng trái phép chất ma túy

1. Cung cấp thông tin về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của mình với cơ quan, tổ chức nơi làm việc hoặc Công an cấp xã nơi cư trú.

2. Chấp hành việc quản lý của Ủy ban nhân dân cấp xã.

Điều 25. Trách nhiệm của gia đình, cơ quan, tổ chức, cộng đồng trong quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy

1. Gia đình người sử dụng trái phép chất ma túy có trách nhiệm sau đây:

a) Theo dõi, quản lý, giáo dục, động viên người sử dụng trái phép chất ma túy chấm dứt việc sử dụng trái phép chất ma túy;

b) Cung cấp thông tin về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy với Công an cấp xã nơi người sử dụng trái phép chất ma túy cư trú;

c) Ngăn chặn người sử dụng trái phép chất ma túy có hành vi gây mất trật tự, an toàn xã hội;

d) Phối hợp cơ quan có thẩm quyền đưa người sử dụng trái phép chất ma túy đi xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể.

2. Cơ quan, tổ chức, cộng đồng nơi người sử dụng trái phép chất ma túy làm việc có trách nhiệm sau đây:

a) Động viên, giúp đỡ, giáo dục người sử dụng trái phép chất ma túy chấm dứt việc sử dụng trái phép chất ma túy;

b) Phối hợp với gia đình, cơ quan có thẩm quyền đưa người sử dụng trái phép chất ma túy đi xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể.

Điều 26. Lập danh sách người sử dụng trái phép chất ma túy

1. Công an cấp xã giúp Ủy ban nhân dân cấp xã lập danh sách người sử dụng trái phép chất ma túy cư trú tại địa phương.

2. Công an cấp xã có trách nhiệm đưa ra khỏi danh sách người sử dụng trái phép chất ma túy trong các trường hợp sau đây:

a) Đối với người không sử dụng trái phép chất ma túy trong thời hạn quản lý quy định tại khoản 2 Điều 23 của Luật này;

b) Trường hợp dùng quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy quy định tại điểm a, đ và e khoản 6 Điều 23 của Luật này;

c) Trường hợp dùng quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm b, c và d khoản 6 Điều 23 của Luật này nếu thời gian chấp hành dài hơn thời gian còn lại bị quản lý.

3. Bộ trưởng Bộ Công an hướng dẫn việc lập danh sách người sử dụng trái phép chất ma túy.

Chương V

CAI NGHIỆN MA TÚY

Điều 27. Xác định tình trạng nghiện ma túy

1. Việc xác định tình trạng nghiện ma túy được thực hiện đối với người thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Người sử dụng trái phép chất ma túy tiếp tục có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy trong thời gian quản lý;

b) Người sử dụng trái phép chất ma túy không xác định được nơi cư trú;

c) Người đang trong thời gian bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn do hành vi sử dụng trái phép chất ma túy hoặc trong thời hạn 02 năm kể từ ngày chấp hành xong biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn do hành vi sử dụng trái phép chất ma túy bị phát hiện có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy;

d) Người đang trong thời gian quản lý sau cai nghiện ma túy bị phát hiện có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy;

đ) Người tự nguyện xác định tình trạng nghiện ma túy.

2. Công an cấp xã nơi phát hiện người thuộc trường hợp quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều này lập hồ sơ đề nghị cơ sở y tế có thẩm quyền xác định tình trạng nghiện.

3. Trường hợp cơ quan công an cấp huyện, cơ quan công an cấp tỉnh trực tiếp phát hiện, điều tra, thụ lý trong các vụ vi phạm pháp luật mà phát hiện các trường hợp quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều này thì cơ quan công an đang thụ lý lập hồ sơ đề nghị cơ sở y tế có thẩm quyền xác định tình trạng nghiện ma túy.

4. Người được đề nghị xác định tình trạng nghiện ma túy có quyền và trách nhiệm sau đây:

a) Được bảo đảm sức khỏe, danh dự, nhân phẩm; hỗ trợ đi lại, ăn ở, điều trị hội chứng cai và các bệnh kèm theo trong thời gian xác định tình trạng nghiện ma túy;

b) Chấp hành nội quy, quy chế của cơ sở xác định tình trạng nghiện ma túy; khai báo trung thực với cán bộ y tế về tiền sử sử dụng ma túy, các biểu hiện của việc sử dụng ma túy để có đủ tiêu chuẩn xác định tình trạng nghiện ma túy.

c) Người quy định tại các điểm a, c, d khoản 1 Điều này khi nhận được kết quả xác định là nghiện ma túy có trách nhiệm đăng ký cai nghiện ma túy tự nguyện theo quy định tại Điều 28 của Luật này hoặc đăng ký điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú.

5. Chính phủ quy định điều kiện của cơ sở y tế có thẩm quyền xác định tình trạng nghiện ma túy; hồ sơ, trình tự, thủ tục xác định tình trạng nghiện ma túy.

6. Bộ trưởng Bộ Y tế quy định tiêu chuẩn chẩn đoán và quy trình chuyên môn để xác định tình trạng nghiện ma túy.

7. Nhà nước bảo đảm kinh phí xác định tình trạng nghiện đối với trường hợp quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều này.

Điều 28. Các biện pháp cai nghiện ma túy

1. Biện pháp cai nghiện ma túy bao gồm:

- a) Cai nghiện ma túy tự nguyện;
- b) Cai nghiện ma túy bắt buộc.

2. Biện pháp cai nghiện ma túy tự nguyện được thực hiện tại gia đình, cộng đồng hoặc tại cơ sở cai nghiện ma túy; biện pháp cai nghiện ma túy bắt buộc được thực hiện tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập.

Điều 29. Quy trình cai nghiện ma túy

1. Quy trình cai nghiện ma túy gồm các giai đoạn sau đây:

- a) Tiếp nhận, phân loại;
- b) Điều trị cắt cơn, giải độc, điều trị các rối loạn tâm thần, điều trị các bệnh lý khác;
- c) Giáo dục, tư vấn, phục hồi hành vi, nhân cách;

d) Lao động trị liệu, học nghề;

đ) Chuẩn bị tái hòa nhập cộng đồng.

2. Việc cai nghiện ma túy bắt buộc phải bảo đảm đầy đủ các giai đoạn quy định tại khoản 1 Điều này; việc cai nghiện ma túy tự nguyện phải bảo đảm thực hiện ít nhất 03 giai đoạn quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này.

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 30. Cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng

1. Thời gian cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng từ đủ 06 tháng trở lên.

2. Người nghiện ma túy tham gia cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng mà thực hiện đầy đủ các giai đoạn quy định tại khoản 2 Điều 29 của Luật này thì được hỗ trợ kinh phí.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã cấp giấy chứng nhận hoàn thành cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng cho người nghiện ma túy.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm quản lý, kiểm tra, hướng dẫn, tổ chức cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng trên địa bàn quản lý.

5. Chính phủ quy định chi tiết về tổ chức cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng; mức hỗ trợ kinh phí đối với người tự nguyện cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng.

Điều 31. Cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy

1. Thời hạn cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy từ đủ 06 tháng trở lên.

2. Người nghiện ma túy tham gia cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy mà thực hiện đầy đủ các giai đoạn quy định tại khoản 2 Điều 29 của Luật này thì được hỗ trợ kinh phí.

3. Cơ sở cai nghiện ma túy có trách nhiệm cấp giấy chứng nhận hoàn thành cai nghiện tự nguyện cho người nghiện ma túy.

4. Người nghiện ma túy tham gia cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy có trách nhiệm thực hiện nghiêm chỉnh nội quy, quy chế của cơ sở cai nghiện ma túy, trả chi phí cai nghiện ma túy theo quy định.

5. Chính phủ quy định chi tiết về tổ chức cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy; mức hỗ trợ kinh phí cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy.

Điều 32. Đối tượng bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc

1. Người nghiện ma túy từ đủ 18 tuổi trở lên bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Người nghiện ma túy không đăng ký cai nghiện ma túy tự nguyện;

b) Người nghiện ma túy chất dạng thuốc phiện không đăng ký điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế hoặc bị chấm dứt điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế do vi phạm quy định về điều trị nghiện;

c) Trong thời gian cai nghiện ma túy tự nguyện bị phát hiện có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy;

d) Trong thời gian quản lý sau cai nghiện ma túy mà tái nghiện.

2. Thời hạn, trình tự, thủ tục, thẩm quyền áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thực hiện theo quy định của pháp luật xử lý vi phạm hành chính.

Điều 33. Cai nghiện ma túy cho người từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi

1. Cha, mẹ, người giám hộ hoặc người đại diện hợp pháp của người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi có trách nhiệm đăng ký cai nghiện ma túy tự nguyện theo quy định tại Điều 28 của Luật này hoặc đăng ký điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú.

2. Người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi bị đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc khi thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Không đăng ký cai nghiện ma túy tự nguyện hoặc đăng ký điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Trong thời gian cai nghiện ma túy tự nguyện bị phát hiện có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy;

c) Bị chấm dứt điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế do vi phạm quy định về điều trị nghiện.

3. Thời hạn cai nghiện ma túy bắt buộc *đối với người nghiện ma túy* từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi từ 06 tháng đến 12 tháng.

4. Việc đưa người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi vào cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc do Tòa án nhân dân cấp huyện quyết định và không coi là biện pháp xử lý hành chính.

5. Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định trình tự, thủ tục Tòa án nhân dân xem xét, quyết định việc áp dụng biện pháp đưa người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi vào cơ sở cai nghiện ma túy công lập để cai nghiện ma túy bắt buộc.

Điều 34. Lập hồ sơ đề nghị đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc đối với người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi

1. Việc lập hồ sơ đề nghị đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc *đối với người nghiện ma túy* từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi được thực hiện như sau:

a) *Đối với người nghiện ma túy có nơi cư trú thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú lập hồ sơ đề nghị đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc.*

b) *Đối với người nghiện ma túy chưa xác định được nơi cư trú thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó có hành vi vi phạm pháp luật lập hồ sơ đề nghị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.*

c) Trường hợp người nghiện ma túy do cơ quan Công an có thẩm quyền phát hiện, điều tra, thụ lý trong các vụ vi phạm pháp luật mà đối tượng từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi thuộc diện đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc thì cơ quan Công an đang thụ lý vụ việc tiến hành xác minh, thu thập tài liệu và lập hồ sơ đề nghị đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc *đối với người đó.*

d) Hồ sơ đề nghị bao gồm: biên bản vi phạm; bản tóm tắt lý lịch; tài liệu chứng minh tình trạng nghiện ma túy hiện tại của người đó; bản tường trình của người nghiện ma túy hoặc của người đại diện hợp pháp của họ.

đ) Công an cấp xã có trách nhiệm giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp thu thập các tài liệu và lập hồ sơ đề nghị quy định các tại điểm a, b và điểm d khoản 1 Điều này.

2. Cơ quan lập hồ sơ đề nghị quy định tại khoản 1 Điều này phải chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ đề nghị. Sau khi hoàn thành việc lập hồ sơ đề nghị, cơ quan lập hồ sơ phải thông báo bằng văn bản cho người bị đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc và người đại diện hợp pháp của họ về việc lập hồ sơ. Những người này có quyền đọc hồ sơ và ghi ý kiến về việc lập hồ sơ trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo.

3. Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày hết thời hạn đọc hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền lập hồ sơ gửi hồ sơ cho Trưởng phòng Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện nơi người bị đề nghị áp dụng biện pháp cư trú hoặc có hành vi vi phạm. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Trưởng phòng Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện quyết định chuyển hồ sơ đề nghị Tòa án nhân dân cấp huyện áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì Trưởng phòng Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện chuyển lại cơ quan đã lập hồ sơ để bổ sung hồ sơ, thời hạn bổ sung là 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận lại hồ sơ. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ bổ sung, Trưởng phòng Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện quyết định việc chuyển hồ sơ đề nghị Tòa án nhân dân cấp huyện áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc.

4. Hồ sơ đề nghị Tòa án nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc bao gồm:

a) Hồ sơ đề nghị đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc quy định tại Khoản 1 Điều này.

b) Văn bản của Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện về việc đề nghị xem xét đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc.

Trong nội dung văn bản của Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội phải nêu ý kiến để bảo vệ quyền trẻ em.

5. Hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc đối với người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi phải được đánh bút lục và được lưu trữ theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

6. Chính phủ quy định chi tiết việc lập hồ sơ đưa người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi vào cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc; chế độ cai nghiện ma túy cho người từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi.

Điều 35. Cơ sở cai nghiện ma túy công lập

1. Cơ sở cai nghiện ma túy công lập là cơ sở cai nghiện ma túy do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập và giao cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội cấp tỉnh quản lý.

2. Cơ sở cai nghiện ma túy công lập phải bố trí các khu sau đây:

a) Khu lưu trú tạm thời đối với người xác định tình trạng nghiện ma túy và chờ lập hồ sơ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc;

b) Khu cai nghiện ma túy bắt buộc;

c) Khu dành riêng cho người cai nghiện ma túy tự nguyện;

d) Khu dành riêng cho người từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi;

đ) Khu dành cho người mắc bệnh truyền nhiễm nhóm A, nhóm B quy định Luật Phòng chống bệnh truyền nhiễm;

e) Khu dành cho người có hành vi gây rối trật tự, vi phạm nội quy, quy chế của cơ sở cai nghiện ma túy chưa đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự.

3. Trong các khu quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 2 Điều này phải bố trí các phòng riêng biệt đối với các đối tượng sau đây:

a) Nữ giới;

b) Nam giới;

c) Người có sự khác nhau giữa thực thể và giới tính ghi trong hồ sơ, lý lịch thì phải quản lý tại phòng riêng trong khu vực theo giới tính biểu hiện trên thực thể học viên.

4. Hoạt động của cơ sở cai nghiện ma túy công lập bao gồm:

a) Tiếp nhận và tổ chức thực hiện cai nghiện ma túy cho người nghiện ma túy bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc và người nghiện ma túy tự nguyện cai nghiện;

b) Thực hiện việc xác định tình trạng nghiện ma túy;

c) Tiếp nhận, quản lý, tư vấn, điều trị hội chứng cai, điều trị rối loạn tâm thần và các bệnh khác đối với người đang trong thời gian lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc.

5. Cơ sở cai nghiện ma túy công lập có quyền sau đây:

a) Tiếp nhận, từ chối nhận người nghiện ma túy vào cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở;

b) Người đứng đầu cơ sở cai nghiện ma túy công lập được quyết định áp dụng các biện pháp cưỡng chế và các quyền hạn khác theo quy định của pháp luật để quản lý, giáo dục, chữa trị cho người cai nghiện ma túy.

6. Cơ sở cai nghiện ma túy công lập có trách nhiệm sau đây:

a) Tuân thủ các quy định về xác định tình trạng nghiện ma túy, quản lý người đang trong thời gian lập hồ sơ đề nghị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc và quy trình cai nghiện ma túy;

b) Tôn trọng tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản của người cai nghiện ma túy, người được đề nghị xác định tình trạng nghiện ma túy và người đang trong thời gian lập hồ sơ đề nghị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc;

c) Bảo đảm tốt nhất quyền lợi đối với người nghiện ma túy từ đủ 12 đến dưới 18 tuổi trong thời gian cai nghiện ma túy;

d) Người đứng đầu cơ sở cai nghiện ma túy có trách nhiệm bảo đảm chất lượng hoạt động cai nghiện ma túy; xây dựng, niêm yết, công khai chi phí cai nghiện ma túy tại cơ sở theo quy định của pháp luật;

đ) Chính phủ quy định điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị, nhân sự của cơ sở cai nghiện ma túy công lập và các chế độ quản lý tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập.

Điều 36. Cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện do cá nhân, tổ chức thành lập

1. Cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện do cá nhân, tổ chức thành lập phải bảo đảm các điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị, nhân sự để thực hiện quy trình cai nghiện ma túy được quy định tại Điều 29 của Luật này.

2. Cơ sở cai nghiện ma túy do cá nhân, tổ chức thành lập có quyền sau đây:

a) Tiếp nhận, từ chối nhận người nghiện ma túy vào cai nghiện ma túy tại cơ sở;

b) Được thu các khoản liên quan đến chi phí cai nghiện ma túy;

c) Được hưởng chế độ ưu đãi theo quy định của pháp luật.

3. Cơ sở cai nghiện ma túy do cá nhân, tổ chức thành lập có trách nhiệm sau đây:

a) Thực hiện nghiêm túc các quy định chuyên môn về cai nghiện ma túy của cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành;

b) Tôn trọng tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản của người cai nghiện ma túy;

c) Thông báo với cơ quan công an cấp xã nơi người cai nghiện ma túy đăng ký cư trú về việc tự ý chấm dứt cai nghiện ma túy.

4. Chính phủ quy định điều kiện thành lập và trình tự, thủ tục cấp, thu hồi giấy phép hoạt động của cơ sở cai nghiện ma túy do cá nhân, tổ chức thành lập.

Điều 37. Áp dụng biện pháp cai nghiện ma túy cho người Việt Nam bị các nước trục xuất về nước do có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, nghiện ma túy; người nước ngoài nghiện ma túy sinh sống tại Việt Nam

1. Người Việt Nam bị nước ngoài trục xuất về Việt Nam do có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, nghiện ma túy khi về nước phải tiến hành xác định tình trạng nghiện ma túy. Trường hợp được cơ sở y tế có thẩm quyền xác định nghiện ma túy thì người đó phải thực hiện các biện pháp cai nghiện ma túy quy định tại Luật này.

2. Việc cai nghiện ma túy đối với người nước ngoài nghiện ma túy sinh sống tại Việt Nam thực hiện theo quy định của pháp luật về phòng, chống ma túy và có thu phí theo quy định.

Điều 38. Cai nghiện ma túy cho người bị tạm giam, phạm nhân, trại viên của cơ sở giáo dục bắt buộc, học sinh trường giáo dưỡng

1. Nhà nước áp dụng biện pháp cai nghiện thích hợp đối với người nghiện ma túy là người bị tạm giam, phạm nhân, trại viên của cơ sở giáo dục, học sinh của trường giáo dưỡng.

2. Giám thị trại giam, trại tạm giam, Giám đốc cơ sở giáo dục, Hiệu trưởng trường giáo dưỡng phối hợp chặt chẽ với cơ sở y tế tại địa phương để thực hiện quy định tại khoản 1 Điều này; thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã về việc cai nghiện ma túy của người nghiện ma túy quy định tại khoản 1 Điều này khi họ trở về nơi cư trú.

Điều 39. Chấp hành hình phạt tù cho người từ đủ 14 tuổi đến dưới 18 tuổi khi đang cai nghiện ma túy bắt buộc

Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 18 tuổi đang cai nghiện ma túy bắt buộc tại cơ sở cai nghiện ma túy mà bị phát hiện thực hiện hành vi phạm tội trước hoặc trong thời gian chấp hành quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy

bắt buộc và bị Tòa án tuyên là có tội và phải chấp hành hình phạt thì người đó được miễn chấp hành thời gian còn lại trong quyết định áp dụng đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc.

Điều 40. Quản lý sau cai nghiện ma túy

1. Người nghiện ma túy sau khi hoàn thành cai nghiện ma túy tự nguyện phải chịu sự quản lý sau cai nghiện ma túy là 01 năm.

2. Người nghiện ma túy chấp hành xong quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc phải chịu sự quản lý sau cai nghiện ma túy là 02 năm.

3. Nội dung quản lý sau cai nghiện ma túy bao gồm:

a) Lập danh sách quản lý, tư vấn, giúp đỡ người sau cai nghiện ma túy phòng, chống tái nghiện ma túy;

b) Hỗ trợ học văn hóa đối với người đủ từ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi;

c) Hỗ trợ học nghề, vay vốn, tìm việc làm và tham gia các hoạt động xã hội để hoà nhập cộng đồng.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tổ chức quản lý sau cai nghiện ma túy.

5. Công an cấp xã giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp lập danh sách quản lý sau cai nghiện ma túy; thông báo cho Công an cấp xã nơi người sau cai nghiện ma túy chuyển đến trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày người sau cai nghiện ma túy thay đổi nơi cư trú.

6. Chính phủ quy định hồ sơ, trình tự thủ tục, chế độ quản lý và chính sách hỗ trợ cho người sau cai nghiện ma túy.

Điều 41. Biện pháp can thiệp giảm tác hại đối với người nghiện ma túy

1. Biện pháp can thiệp giảm tác hại đối với người nghiện ma túy bao gồm:

a) Điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế;

b) Các biện pháp can thiệp giảm tác hại phù hợp khác.

2. Chính phủ quy định chi tiết việc tổ chức thực hiện các biện pháp quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 42. Trách nhiệm của người nghiện ma túy, gia đình người nghiện ma túy

1. Người nghiện ma túy *khi thực hiện biện pháp cai nghiện ma túy tự nguyện* có trách nhiệm sau đây:

a) Thực hiện đúng, đầy đủ các quy định về cai nghiện ma túy tự nguyện và tuân thủ các hướng dẫn của cơ quan chuyên môn khi thực hiện biện pháp cai nghiện ma túy tự nguyện;

b) Nộp phí cai nghiện ma túy theo quy định.

2. Người nghiện ma túy *khi thực hiện biện pháp cai nghiện ma túy bắt buộc* có trách nhiệm sau đây:

a) Tuân thủ các quy định về cai nghiện ma túy bắt buộc, nội quy, quy chế và chịu sự quản lý, giáo dục, điều trị của cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc;

b) Tham gia các hoạt động điều trị, chữa bệnh, giáo dục, phục hồi hành vi, nhân cách, học văn hóa, pháp luật, học nghề, lao động trị liệu để cai nghiện ma túy và góp phần đảm bảo đời sống trong thời hạn cai nghiện ma túy.

3. Gia đình người nghiện ma túy có trách nhiệm sau đây:

a) Hỗ trợ người nghiện ma túy trong quá trình cai nghiện ma túy, sau cai nghiện ma túy và hòa nhập cộng đồng;

b) Phối hợp với các cơ quan trong việc lập hồ sơ áp dụng biện pháp cai nghiện ma túy bắt buộc, *phối hợp với cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan trong quá trình cai nghiện ma túy, quản lý sau cai nghiện ma túy.*

Điều 43. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp

Ủy ban nhân dân các cấp nơi người nghiện ma túy cư trú có trách nhiệm lập kế hoạch, bố trí nguồn lực, tổ chức cai nghiện ma túy tự nguyện, *quản lý* sau cai nghiện ma túy và phòng, chống tái nghiện ma túy trên địa bàn quản lý; chỉ đạo cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì phối hợp với cơ quan Công an, Y tế, Giáo dục và Đào tạo cùng cấp và các cơ quan, tổ chức có liên quan tổ chức cai nghiện ma túy, quản lý, giáo dục người nghiện ma túy và người đã cai nghiện ma túy; hỗ trợ, tạo điều kiện cho người đã cai nghiện ma túy hòa nhập cộng đồng.

Điều 44. Thống kê người nghiện ma túy

1. Công an cấp xã giúp Ủy ban nhân dân cấp xã lập danh sách người nghiện ma túy cư trú tại địa phương.

2. Công an cấp xã có trách nhiệm đưa ra khỏi danh sách người nghiện ma túy đối với các trường hợp sau đây:

a) Trong thời hạn 02 năm kể từ ngày chấp hành xong quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc mà không phát hiện người đó sử dụng trái phép chất ma túy;

b) Trong thời hạn 01 năm kể từ ngày hoàn thành chương trình cai nghiện ma túy tự nguyện hoặc hoàn thành chương trình điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế mà không phát hiện người đó sử dụng trái phép chất ma túy.

c) Người bị Tòa án kết án phạt tù mà không được hưởng án treo nếu thời gian chấp hành dài hơn thời gian còn lại bị quản lý, tù chung thân hoặc tử hình;

d) Xuất cảnh mà thời gian xuất cảnh dài hơn thời gian còn lại bị quản lý;

đ) Người trong danh sách quản lý chết.

3. Bộ Y tế có trách nhiệm thống kê người nghiện ma túy đang tham gia chương trình điều trị nghiện bằng thuốc thay thế.

4. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm thống kê người nghiện ma túy tại cơ sở cai nghiện ma túy; người nghiện ma túy cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng.

5. Bộ Quốc phòng có trách nhiệm thống kê người nghiện ma túy trong các nhà tạm giữ, trại tạm giam, trại giam do Bộ Quốc phòng quản lý.

6. Bộ Công an có trách nhiệm thống kê người nghiện ma túy hiện chưa đi cai nghiện ở ngoài xã hội; người nghiện ma túy trong các nhà tạm giữ, trại tạm giam, trại giam, trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc thuộc Bộ Công an quản lý và tổng hợp số liệu người nghiện ma túy trong toàn quốc.

Chương VI

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ PHÒNG, CHỐNG MA TÚY

Điều 45. Nội dung quản lý nhà nước về phòng, chống ma túy

1. Xây dựng và tổ chức thực hiện chiến lược, chủ trương, chính sách, kế hoạch về phòng, chống ma túy.

2. Ban hành và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về phòng, chống ma túy.

3. Tổ chức bộ máy, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ về phòng, chống ma túy.

4. *Kiểm soát các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy.*

5. Công tác cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy.
6. Tổ chức đấu tranh phòng, chống ma túy.
7. Thực hiện thống kê nhà nước về phòng, chống ma túy.
8. Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ về phòng, chống ma túy.
9. Tổ chức tuyên truyền, giáo dục về phòng, chống ma túy.
10. Hợp tác quốc tế về phòng, chống ma túy.
11. Kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về phòng, chống ma túy.

Điều 46. Phân công trách nhiệm quản lý nhà nước về phòng, chống ma túy

1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về phòng, chống ma túy.
2. Bộ Công an là cơ quan đầu mối giúp Chính phủ quản lý nhà nước về phòng, chống ma túy.
3. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm thực hiện và phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan trong phòng, chống ma túy.
4. Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện quản lý nhà nước về phòng, chống ma túy tại địa phương; chỉ đạo việc tuyên truyền, giáo dục, tổ chức phòng, chống ma túy tại địa phương; quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy, người nghiện ma túy, quản lý việc cai nghiện ma túy bắt buộc, cai nghiện ma túy tự nguyện, hỗ trợ sau cai nghiện ma túy và phòng, chống tái nghiện, hòa nhập cộng đồng cho người đã cai nghiện ma túy; quản lý các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy trên địa bàn.

Điều 47. Trách nhiệm của Bộ Công an

1. Xây dựng; trình cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền và tổ chức thực hiện chiến lược, chủ trương, chính sách, kế hoạch phòng, chống ma túy.
2. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan trong phòng, chống ma túy; tổ chức tiếp nhận và xử lý thông tin về tội phạm ma túy; kiểm soát các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy.
3. Tổ chức thực hiện kiểm soát các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy vì mục đích quốc phòng, an ninh.

4. Tổ chức công tác giám định chất ma túy và tiền chất.

5. Tổ chức bộ máy, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ làm công tác điều tra, đấu tranh phòng, chống tội phạm về ma túy; kiểm soát các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy.

6. Thực hiện thông kê nhà nước về phòng, chống ma túy; quản lý thông tin về các tội phạm về ma túy, *thông tin về kết quả kiểm soát các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy;*

7. Quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy, người nghiện ma túy, *người sau cai nghiện ma túy.*

8. Thực hiện hợp tác quốc tế về phòng, chống ma túy.

Điều 48. Trách nhiệm của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

1. Xây dựng *trình cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền* và tổ chức thực hiện chiến lược, chủ trương, chính sách, pháp luật về cai nghiện ma túy, *quản lý sau cai nghiện ma túy.*

2. Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ làm công tác cai nghiện ma túy, *quản lý sau cai nghiện ma túy.*

3. Chủ trì, phối hợp với cơ quan *có liên quan* và chính quyền địa phương xây dựng, hướng dẫn việc tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng và cai nghiện ma túy tại cơ sở cai nghiện ma túy; xây dựng, hướng dẫn thực hiện *quản lý sau cai nghiện ma túy.*

4. Hướng dẫn, chỉ đạo việc thành lập, giải thể và tổ chức hoạt động cơ sở cai nghiện ma túy công lập.

5. Hướng dẫn, chỉ đạo tổ chức thực hiện việc *tuyên truyền*, giáo dục về phòng, chống ma túy trong hệ thống cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

6. Thực hiện hợp tác quốc tế về cai nghiện ma túy, *quản lý sau cai nghiện ma túy.*

Điều 49. Trách nhiệm của Bộ Quốc phòng

1. Xây dựng, *ban hành theo thẩm quyền* và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng, chống ma túy ở khu vực biên giới trên đất liền, trên biển, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa.

2. *Chỉ đạo lực lượng bộ đội biên phòng, cảnh sát biển Việt Nam chủ trì*, phối hợp với các cơ quan hữu quan, lực lượng chức năng để phát hiện, ngăn

chặn, *đấu tranh* với các hành vi vi phạm pháp luật về ma túy, kiểm soát các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy tại địa bàn theo quy định của khoản 1 Điều này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cán bộ chuyên trách phòng, chống tội phạm về ma túy của Bộ đội Biên phòng và Cảnh sát biển.

Điều 50. Trách nhiệm của Bộ Y tế

1. Quy định việc nghiên cứu thuốc và phương pháp cai nghiện ma túy; cấp, thu hồi giấy phép lưu hành thuốc, phương pháp cai nghiện ma túy; hướng dẫn thủ tục xác định người nghiện ma túy; hỗ trợ về người, chuyên môn kỹ thuật y tế để cai nghiện ma túy.

2. Thực hiện hợp tác quốc tế về kiểm soát thuốc gây nghiện, tiền chất, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc sử dụng trong lĩnh vực y tế, phân tích, kiểm nghiệm và nghiên cứu khoa học.

Chương VII

HỢP TÁC QUỐC TẾ VỀ PHÒNG, CHỐNG MA TÚY

Điều 51. Nguyên tắc trong hợp tác quốc tế về phòng, chống ma túy

1. Nhà nước Việt Nam thực hiện các điều ước quốc tế về phòng, chống ma túy và các điều ước quốc tế khác có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên trên nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và các bên cùng có lợi; hợp tác với các nước, các tổ chức quốc tế, tổ chức, cá nhân nước ngoài trong hoạt động phòng, chống ma túy.

2. *Trên cơ sở các quy định của Luật này và các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam thực hiện các chương trình hợp tác về phòng, chống ma túy với các cơ quan hữu quan của các nước, các tổ chức quốc tế, tổ chức, cá nhân nước ngoài.*

Điều 52. Chính sách hợp tác quốc tế về phòng, chống ma túy

Nhà nước Việt Nam thực hiện chính sách hợp tác quốc tế đa phương và song phương trong lĩnh vực phòng, chống ma túy trên nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền quốc gia với các nước; khuyến khích các tổ chức quốc tế, tổ chức, cá nhân nước ngoài hợp tác với các cơ quan, tổ chức của Việt Nam hỗ trợ

lẫn nhau về cơ sở vật chất, tăng cường năng lực pháp luật, thông tin, công nghệ đào tạo và y tế cho hoạt động phòng, chống ma túy.

Điều 53. Chuyển giao hàng hóa có kiểm soát

Nhà nước Việt Nam thực hiện yêu cầu chuyển giao hàng hóa có kiểm soát trên cơ sở điều ước quốc tế mà *nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên* để phát hiện và truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội về ma túy. Việc quyết định áp dụng và tiến hành biện pháp này thực hiện theo thỏa thuận giữa các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam và của nước có liên quan.

Chương VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 54. Hiệu lực thi hành

1. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.
2. Luật Phòng, chống ma túy số 23/2000/QH10 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 16/2008/QH12 hết hiệu lực kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành.

Luật này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ ... thông qua ngày ... tháng ... năm 2021.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

Nguyễn Thị Kim Ngân

Số: /BC-UBTVQH14

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

Dự thảo ngày
05.02.2021

BÁO CÁO

Tiếp thu, giải trình và chỉnh lý dự thảo Luật Phòng, chống ma túy (sửa đổi)

Kính gửi: Các vị đại biểu Quốc hội,

Tại kỳ họp thứ 10, Quốc hội đã thảo luận, cho ý kiến về dự án Luật Phòng, chống ma túy (sửa đổi), đã có 102 lượt ý kiến phát biểu thảo luận ở Tổ, 26 lượt ý kiến phát biểu tại Phiên thảo luận tại Hội trường, 03 ý kiến tranh luận và 03 ý kiến bằng văn bản. Về cơ bản, các vị đại biểu Quốc hội nhất trí về sự cần thiết, quan điểm xây dựng và nội dung chủ yếu của dự thảo Luật.

Ngay sau kỳ họp, trên cơ sở ý kiến các vị đại biểu Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã chỉ đạo cơ quan chủ trì thẩm tra phối hợp với cơ quan soạn thảo và các cơ quan, tổ chức hữu quan tiếp tục nghiên cứu, tham vấn, tiếp thu để chỉnh lý dự thảo Luật Phòng, chống ma túy (sửa đổi)¹ (sau đây viết tắt là dự thảo Luật). Tại Phiên họp thứ 51 (tháng 12/2020), Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã cho ý kiến về một số vấn đề lớn về việc tiếp thu, giải trình và chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo Luật để gửi xin ý kiến các Đoàn đại biểu Quốc hội². Đến ngày /02/2021, Tổng Thư ký Quốc hội đã nhận được văn bản tham gia góp ý của Đoàn đại biểu Quốc hội và một số cơ quan, tổ chức. Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã chỉ đạo cơ quan chủ trì thẩm tra tổng hợp, nghiên cứu và chủ trì phối hợp cùng các cơ quan liên quan để tiếp tục tiếp thu, giải trình, chỉnh lý dự thảo Luật.

Ủy ban Thường vụ Quốc hội xin báo cáo Quốc hội việc tiếp thu, giải trình và chỉnh lý dự thảo Luật như sau:

I. MỘT SỐ NỘI DUNG LỚN

1. Về phạm vi điều chỉnh (Điều 1)

- Một số ý kiến đại biểu Quốc hội đề nghị cần nhắc việc bổ sung từ “tội phạm” để tránh chồng chéo về phạm vi điều chỉnh giữa các văn bản quy phạm pháp luật.

¹ Ngay sau kỳ họp thứ 10 của Quốc hội, Thường trực Ủy ban về các vấn đề Xã hội đã phối hợp các cơ quan liên quan nghiên cứu ý kiến của các vị đại biểu Quốc hội; gửi văn bản đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, phối hợp giải trình, bổ sung báo cáo về một số nội dung của dự án Luật trên cơ sở ý kiến của đại biểu Quốc hội; tổ chức Phiên họp toàn thể Ủy ban, hội thảo khu vực, tọa đàm chuyên gia để lấy ý kiến về dự án Luật.

² Ngày 05/02/2021, Tổng Thư ký Quốc hội đã gửi qua hệ thống điện tử đến các Đoàn đại biểu Quốc hội, các vị đại biểu Quốc hội các dự thảo: Báo cáo tiếp thu, giải trình và chỉnh lý dự thảo Luật; dự thảo Luật Phòng, chống ma túy (sửa đổi).

Ủy ban Thường vụ Quốc hội thấy rằng, tội phạm về ma túy đã được quy định đầy đủ trong Bộ luật Hình sự, các vấn đề liên quan đến việc xử lý các tội phạm về ma túy được quy định trong Bộ luật Tố tụng Hình sự, Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự và các văn bản pháp luật khác có liên quan. Luật Phòng, chống ma túy chỉ có quy định về cơ quan chuyên trách phòng, chống tội phạm về ma túy, kiểm soát các hoạt động hợp pháp về ma túy và phòng ngừa, ngăn chặn, đấu tranh chống tệ nạn ma túy. Vì vậy, tiếp thu ý kiến đại biểu Quốc hội, để bao quát đầy đủ các nội dung về phòng, chống ma túy, tránh chồng chéo với phạm vi điều chỉnh của các văn bản quy phạm pháp luật khác và thống nhất với giải thích từ ngữ tại khoản 10 Điều 3 của dự thảo Luật do Chính phủ trình, Ủy ban Thường vụ Quốc hội xin phép Quốc hội chỉnh lý Điều 1 như sau:

“Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Luật này quy định về phòng, chống ma túy; quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy; cai nghiện ma túy; trách nhiệm của cá nhân, gia đình, cơ quan, tổ chức trong phòng, chống ma túy; quản lý nhà nước và hợp tác quốc tế về phòng, chống ma túy”.

2. Về bố cục của dự thảo Luật

- Một số ý kiến đề nghị bổ sung chương riêng về cơ quan chuyên trách phòng, chống tội phạm về ma túy trong đó xác định rõ địa vị pháp lý, tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cơ chế phối hợp, điều kiện bảo đảm và chính sách cho các lực lượng; Có ý kiến đề nghị bổ sung chương về phòng ngừa ma túy, trong đó quy định cụ thể về: nội dung, giải pháp, trách nhiệm và sự phối hợp của các cơ quan trong phòng ngừa ma túy đối với các nhóm đối tượng khác nhau, cơ chế, chính sách đầu tư cho công tác phòng ngừa.

Ủy ban Thường vụ Quốc hội xin báo cáo như sau:

(1) Trách nhiệm, quyền hạn của các cơ quan chuyên trách phòng, chống tội phạm về ma túy thuộc Công an nhân dân, Bộ đội biên phòng, Cảnh sát biển, Hải quan cũng như nguyên tắc phối hợp giữa các lực lượng đã được quy định cụ thể trong các luật chuyên ngành và một số văn bản pháp luật liên quan khác³. Nếu tiếp tục quy định nội dung này trong Luật Phòng, chống ma túy thì sẽ dễ bị trùng lặp và không đầy đủ.

(2) Về ý kiến đề nghị bổ sung chương riêng về phòng ngừa ma túy, Ủy ban Thường vụ Quốc hội thấy rằng, phòng ngừa ma túy là nội dung xuyên suốt trong toàn bộ dự thảo Luật, hoạt động phòng ngừa được tiến hành trong tất cả các hoạt động ngăn chặn, đấu tranh chống tội phạm và tệ nạn ma túy, không thể tách riêng. Ví dụ: những quy định về kiểm soát các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy cũng là biện pháp phòng ngừa nghiện ma túy bởi kiểm soát ma túy tốt giúp hạn chế bớt tính sẵn có của ma túy trên thị trường, tạo môi trường sống lành mạnh hơn cho người dân và từ đó góp phần phòng ngừa nghiện ma túy.

³ Luật Biên phòng, Luật Cảnh sát biển, Luật Hải quan, Bộ luật Tố tụng Hình sự, Luật Tổ chức các cơ quan điều tra hình sự v.v...

Tương tự như vậy, biện pháp quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy, quản lý sau cai nghiện ma túy giúp phòng ngừa ma túy, phòng tái nghiện v.v.

Vì vậy, Ủy ban Thường vụ Quốc hội xin phép Quốc hội giữ nguyên bố cục của dự thảo Luật, không bổ sung chương riêng về cơ quan chuyên trách phòng, chống tội phạm về ma túy và phòng ngừa ma túy.

- Có ý kiến đại biểu Quốc hội đề nghị đưa các nội dung có liên quan đến trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong công tác phòng, chống ma túy và các điều khoản trong Chương Quản lý nhà nước trong phòng, chống ma túy (Chương VI) về Chương Trách nhiệm trong phòng, chống ma túy (Chương II).

Ủy ban Thường vụ Quốc hội thấy rằng, phòng, chống và kiểm soát ma túy là nhiệm vụ trọng tâm, vừa cấp bách, vừa thường xuyên, liên tục và lâu dài, đòi hỏi sự tham gia của toàn dân và sự phối hợp chặt chẽ, đồng bộ của các cấp, các ngành, các tổ chức chính trị - xã hội. Vì vậy, cần có các quy định cụ thể về trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân, gia đình trong phòng, chống ma túy. Đồng thời, cũng cần quy định rõ nội dung quản lý nhà nước và phân công trách nhiệm quản lý nhà nước về phòng, chống ma túy. Vì vậy, Ủy ban Thường vụ Quốc hội xin phép Quốc hội giữ Chương về trách nhiệm quản lý nhà nước. Ngoài ra, để bảo đảm thống nhất với Luật Tổ chức Chính phủ, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã chỉ đạo rà soát nội dung Chương VI của dự thảo Luật theo hướng chỉ quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về phòng, chống ma túy của một số bộ ngành chủ chốt trong công tác phòng, chống ma túy.

- Có ý kiến đề nghị tích hợp những quy định về chính sách Nhà nước đang nằm rải rác ở một số điều trong dự thảo Luật thành một điều về chính sách Nhà nước; có ý kiến đề nghị bổ sung trách nhiệm tuyên truyền về phòng, chống ma túy cho các chủ thể được quy định tại Chương Trách nhiệm trong phòng, chống ma túy (Chương II).

Tiếp thu ý kiến của đại biểu Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã chỉ đạo rà soát, chỉnh lý dự thảo Luật theo hướng tích hợp nội dung của các Điều 5, 11 và 29 của dự thảo Luật Chính phủ trình thành một điều về chính sách Nhà nước như thể hiện tại Điều 4 của dự thảo Luật và bổ sung trách nhiệm tuyên truyền, giáo dục về phòng, chống ma túy đối với một số chủ thể quy định trong Chương II.

3. Về trách nhiệm, quyền hạn của các lực lượng chuyên trách phòng, chống tội phạm về ma túy (Điều 11)

- Nhiều ý kiến đại biểu Quốc hội đề nghị giữ nguyên tắc chủ trì, phối hợp trong phòng, chống tội phạm về ma túy như quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 13 Luật hiện hành.

Tiếp thu ý kiến đại biểu Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã chỉ đạo chỉnh lý dự thảo Luật theo hướng giữ nguyên tắc chủ trì, phối hợp giữa các cơ quan chuyên trách về phòng, chống tội phạm về ma túy như Luật hiện hành, thể hiện tại khoản 2 và khoản 3 Điều 11 của dự thảo Luật.

- Có ý kiến cho rằng quy định về trách nhiệm, quyền hạn của cơ quan huyện trách phòng, chống tội phạm về ma túy thuộc Công an nhân dân được tiến hành một số hoạt động liên quan đến điều tra, phát hiện tội phạm về ma túy là chưa phù hợp do vừa trùng lặp về nội dung và chưa đầy đủ so với quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự, Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự; có ý kiến đề nghị quy định cụ thể về trách nhiệm, quyền hạn của cơ quan chuyên trách phòng, chống ma túy thuộc Bộ đội biên phòng, Cảnh sát biển và Hải quan tương tự như quy định đối với cơ quan chuyên trách phòng, chống ma túy thuộc Công an nhân dân.

Tiếp thu ý kiến của đại biểu Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã chỉ đạo chỉnh lý dự thảo Luật theo hướng không quy định cụ thể một số hoạt động mà cơ quan chuyên trách về phòng, chống tội phạm về ma túy được tiến hành trong Luật này⁴.

4. Về quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy (Chương IV)

- Có ý kiến đề nghị cân nhắc quy định căn cứ vào độ tuổi của người sử dụng trái phép chất ma túy để xác định thời hạn quản lý; có ý kiến đề nghị quy định rõ đối tượng sẽ phải xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể; bổ sung quy định về trách nhiệm khai báo về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của người sử dụng trái phép chất ma túy, trách nhiệm của gia đình, cơ quan, tổ chức có liên quan trong quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy.

Tiếp thu ý kiến đại biểu Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã chỉ đạo chỉnh lý theo hướng: (i) bổ sung quy định về xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể; (ii) quy định thời hạn quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy là 01 năm mà không phân biệt độ tuổi; (iii) rà soát các quy định về nội dung quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy, các trường hợp dừng quản lý v.v. để bao quát đầy đủ, tránh quy định một cách tùy nghi và bảo đảm tính khả thi. Các nội dung này thể hiện tại các Điều 22, 23, 24, 25 và 26 của dự thảo Luật.

5. Về cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình và cộng đồng (Điều 30)

- Có ý kiến đề nghị cân nhắc việc duy trì biện pháp cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình và cộng đồng vì cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng có nhiều bất cập, không hiệu quả, thậm chí còn làm gia tăng tình trạng nghiện ma túy và buôn bán ma túy; có ý kiến đề nghị chỉ áp dụng quản lý, hỗ trợ người nghiện ma túy ở gia đình, cộng đồng khi họ thực hiện xong cai nghiện ma túy để giúp họ tái hòa nhập cộng đồng và phòng ngừa tái nghiện; nhưng đồng thời có ý kiến đại biểu Quốc hội đề nghị duy trì hình thức cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình và cộng đồng và bổ sung thêm quy định để bảo đảm tính hiệu quả, khả thi.

Về nội dung này, Ủy ban Thường vụ Quốc hội xin báo cáo như sau:

⁴ Những hoạt động, biện pháp nghiệp vụ trinh sát, điều tra v.v. mà lực lượng Công an, Bộ đội Biên phòng, Cảnh sát biển và Hải quan được phép thực hiện trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình đang được quy định trong Bộ Luật tố tụng hình sự (Điều 35), Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự (Điều 9,10), Luật Giám định tư pháp (Điều 42), Luật Biên phòng (Điều 14, 20), Luật Cảnh sát biển Việt Nam (Điều 8, 12) v.v.

(1) Chính phủ đã bổ sung báo cáo đánh giá thực trạng công tác cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng cho thấy những tồn tại, hạn chế chủ yếu liên quan đến việc tổ chức thực hiện chính sách.

(2) Biện pháp cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng phù hợp với chủ trương đa dạng hóa các hình thức cai nghiện, góp phần bảo đảm bình đẳng về cơ hội được cai nghiện ma túy tự nguyện đối với người nghiện ma túy khó tiếp cận cơ sở cai nghiện ma túy, đặc biệt ở những vùng sâu, vùng xa, đi lại khó khăn.

(2) Biện pháp cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng huy động sự tham gia của cộng đồng và trách nhiệm của gia đình đối với người nghiện ma túy; gắn quá trình cai nghiện với cuộc sống và công việc thường ngày, tranh thủ sự chia sẻ của gia đình, cộng đồng giúp họ phục hồi sức khỏe, khả năng học tập, lao động để nâng cao năng lực hòa nhập cộng đồng.

Do vậy, Ủy ban Thường vụ Quốc hội xin phép được giữ biện pháp cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng. Đồng thời, để bảo đảm tính khả thi và hiệu quả của biện pháp cai nghiện này, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã chỉ đạo chỉnh lý dự thảo Luật theo hướng quy định cụ thể trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện trong quản lý, kiểm tra, hướng dẫn, tổ chức cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng; thời gian cai nghiện ma túy ít nhất là 06 tháng và người tham gia cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng mà thực hiện ít nhất ba giai đoạn của quy trình cai nghiện ma túy (quy định tại khoản 2 Điều 29) thì được hỗ trợ kinh phí. Các nội dung chỉnh lý được thể hiện tại Điều 30 của dự thảo Luật.

6. Về cai nghiện ma túy bắt buộc (Điều 32)

- Có ý kiến đề nghị quy định rõ các trường hợp bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc để bảo đảm tính thống nhất với quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính;

Tiếp thu ý kiến của đại biểu Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã chỉ đạo rà soát dự thảo Luật để bảo đảm tính thống nhất với quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính. Nội dung chỉnh lý được thể hiện tại Điều 32 của dự thảo Luật.

- Có ý kiến cho rằng quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều 37 dự thảo Luật Chính phủ trình Quốc hội là chưa phù hợp do chưa bảo đảm nguyên tắc chỉ cai nghiện ma túy đối với người nghiện ma túy, cần xác định tình trạng nghiện đối với các trường hợp này trước khi áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc đối với họ.

Tiếp thu ý kiến của đại biểu Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã chỉ đạo rà soát, chỉnh lý quy định về xác định tình trạng nghiện ma túy theo hướng bảo đảm nguyên tắc chỉ cai nghiện ma túy đối với người đã được xác định là nghiện ma túy (Điều 27 của dự thảo Luật).

7. Về cai nghiện ma túy đối với người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi (Điều 33)

- Có ý kiến đề nghị bổ sung đánh giá tác động chính sách để có quy định phù hợp nhằm bảo đảm tính khả thi của quy định bảo đảm quyền học văn hóa cho người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi trong thời hạn cai nghiện bắt buộc (khoản 4 Điều 40 dự thảo Luật Chính phủ trình Quốc hội).

Ủy ban Thường vụ Quốc hội thấy rằng, trẻ em luôn là nhóm đối tượng được quan tâm, ưu tiên. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân, gia đình đều có trách nhiệm bảo đảm thực hiện các quyền của trẻ em, đó là quyền được học tập, giáo dục, quyền được chăm sóc, nuôi dưỡng, quyền được tôn trọng, bảo vệ tính mạng, thân thể; quyền được chăm sóc, bảo vệ sức khỏe v.v. Tiếp thu ý kiến của đại biểu Quốc hội, để bảo đảm các quyền của trẻ em nghiện ma túy, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã chỉ đạo bổ sung quy định về trách nhiệm của cơ sở cai nghiện ma túy phải bảo đảm các quyền lợi tốt nhất đối với người nghiện ma túy từ đủ 12 đến dưới 18 tuổi trong thời gian cai nghiện bắt buộc. Nội dung này được thể hiện tại khoản 6, Điều 35 của dự thảo Luật.

- Có ý kiến đề nghị quy định ngay trong Luật trình tự, thủ tục lập hồ sơ đưa người cai nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi vào cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc.

Tiếp thu ý kiến đại biểu Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã bổ sung điều về lập hồ sơ đưa người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi, thể hiện tại Điều 34 của dự thảo Luật.

II. MỘT SỐ VẤN ĐỀ KHÁC

1. Về giải thích từ ngữ (Điều 2)

Có ý kiến đại biểu Quốc hội đề nghị không giải thích trong luật này đối với những từ ngữ đã được giải thích ở một số luật khác; có ý kiến đề nghị khi giải thích khái niệm “cai nghiện ma túy” cần nêu rõ kết quả của cai nghiện ma túy là “chấm dứt sử dụng ma túy”.

Tiếp thu ý kiến đại biểu Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã chỉ đạo rà soát, chỉnh lý điều luật theo hướng không quy định lại các nội dung đã được giải thích rõ trong văn bản quy phạm pháp luật khác và bổ sung khái niệm “người sử dụng trái phép chất ma túy”, “cai nghiện ma túy”.

2. Về những hành vi bị nghiêm cấm (Điều 3)

Có ý kiến đề nghị rà soát đối chiếu với các Luật khác để tránh sự trùng lặp; có ý kiến đề nghị bổ sung thêm một số hành vi cấm như cho thuê, cho mượn địa điểm để trồng, sản xuất trái phép chất ma túy..., hướng dẫn trồng cây có chứa chất ma túy, quảng cáo, tiếp thị dưới mọi hình thức...;

Tiếp thu ý kiến các vị đại biểu Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã chỉ đạo rà soát và bổ sung 04 nhóm hành vi bị nghiêm cấm thể hiện tại Điều 3 của dự thảo Luật.

3. Về chính sách của Nhà nước về phòng, chống ma túy (Điều 4)

Có ý kiến đề nghị tích hợp những quy định về chính sách của Nhà nước về phòng, chống ma túy đang nằm rải rác ở một số điều; có ý kiến đề nghị bổ sung nội dung ưu tiên nguồn lực phòng, chống ma túy cho vùng đồng bào dân tộc

thiếu số miền núi, vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn; có ý kiến đề nghị bổ sung một số chính sách nhằm khuyến khích xã hội hóa trong hoạt động phòng, chống ma túy.

Ủy ban Thường vụ Quốc hội xin tiếp thu ý kiến của đại biểu Quốc hội và đã chỉ đạo chỉnh lý và thể hiện tại Điều 4 của dự thảo Luật.

4. Về các biện pháp và hình thức cai nghiện ma túy (Điều 28)

Có ý kiến cho rằng nội dung và mũ điều, khoản chưa phù hợp, dễ nhầm lẫn; có ý kiến cho rằng thiếu quy định về quy trình của cai nghiện ma túy khiến cơ sở cai nghiện ma túy ngoài công lập khó khăn trong việc tham gia vào công tác cai nghiện.

Ủy ban Thường vụ Quốc hội xin tiếp thu ý kiến đại biểu Quốc hội và đã chỉ đạo chỉnh lý dự thảo Luật theo hướng quy định biện pháp cai nghiện ma túy bao gồm cai nghiện ma túy tự nguyện và cai nghiện ma túy bắt buộc (Điều 28) và bổ sung một điều quy định về các giai đoạn trong quy trình cai nghiện ma túy (Điều 29).

5. Về cơ sở cai nghiện ma túy (Điều 35 và 36)

Có ý kiến đề nghị bổ sung cơ sở khám bệnh, chữa bệnh được thực hiện cai nghiện ma túy; có ý kiến đề nghị bổ sung quy định về tiêu chuẩn, điều kiện, trách nhiệm, nghĩa vụ của các cơ sở cai nghiện ma túy tư nhân; có ý kiến đồng ý với dự thảo Chính phủ trình nhưng cần có sự bảo đảm công bằng giữa cơ sở cai nghiện ma túy công lập và ngoài công lập.

Tiếp thu ý kiến đại biểu Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã chỉ đạo chỉnh lý theo hướng quy định về việc thành lập, quyền và trách nhiệm của cơ sở cai nghiện ma túy công lập, cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện do cá nhân, tổ chức thành lập, như thể hiện tại Điều 35 và 36 của dự thảo Luật.

6. Về quản lý sau cai nghiện ma túy (Điều 40)

Một số ý kiến đại biểu Quốc hội đề nghị giữ quy định về quản lý sau cai nghiện ma túy đối với người nghiện ma túy.

Tiếp thu ý kiến đại biểu Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã chỉ đạo chỉnh lý dự thảo Luật theo hướng giữ quy định quản lý sau cai nghiện ma túy. Đồng thời, để bảo đảm thống nhất với chính sách khuyến khích người nghiện ma túy thực hiện cai nghiện ma túy tự nguyện, dự thảo Luật quy định thời hạn quản lý sau cai nghiện ma túy là 01 năm đối với người nghiện ma túy đã hoàn thành cai nghiện ma túy tự nguyện, 02 năm đối với người nghiện ma túy chấp hành xong quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Nội dung về quản lý sau cai nghiện được thể hiện tại Điều 40 của dự thảo Luật.

7. Về văn phong, kỹ thuật xây dựng văn bản

Các vị đại biểu Quốc hội đã đóng góp nhiều ý kiến sâu sắc, xác đáng về văn phong, kỹ thuật văn bản. Ngoài 13 nội dung tại 19 điều, khoản nêu ở các mục trên, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã chỉ đạo việc rà soát tiếp thu, chỉnh lý tại 35 điều khác ở tất cả các chương của dự thảo Luật. Ủy ban Thường vụ Quốc hội xin trân trọng tiếp thu tối đa ý kiến các vị đại biểu Quốc hội, đồng thời đã chỉ đạo tiếp tục rà soát, chỉnh lý kỹ thuật đối với toàn bộ dự thảo Luật để hoàn thiện văn bản trình Quốc hội đảm bảo rõ ràng về văn phong, bảo đảm thống

nhất, đồng bộ với hệ thống pháp luật.

8. Về một số điểm mới của dự thảo Luật

Dự thảo Luật sau khi chỉnh lý gồm 08 Chương và 54 điều, giảm 02 điều so với Luật hiện hành. Một số điểm mới chủ yếu của dự thảo Luật bao gồm:

(1) Bổ sung nội dung về quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy và cai nghiện ma túy trong phạm vi điều chỉnh.

(2) Bổ sung 04 nhóm hành vi bị nghiêm cấm bao gồm: (i) Giao nhận, quản lý, kiểm soát, lưu giữ, cấp phát chất ma túy, tiền chất; cho phép người sử dụng chất ma túy, thuốc gây nghiện hoặc thuốc hướng thần trái quy định của pháp luật; (ii) Chống lại hoặc cản trở việc xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể, xác định tình trạng nghiện ma túy; (iii) Hướng dẫn trồng cây có chứa chất ma túy, sản xuất trái phép chất ma túy, sử dụng chất ma túy, quảng cáo, tiếp thị chất ma túy dưới mọi hình thức; và (iv) Kỳ thị, phân biệt đối xử với người cai nghiện ma túy, người sau cai nghiện ma túy.

(3) Bổ sung một số chính sách của Nhà nước: (i) Ưu tiên nguồn lực phòng, chống ma túy cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng sâu, vùng xa, hải đảo, khu vực biên giới; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và phức tạp về ma túy; (ii) Chế độ ưu đãi theo quy định của Chính phủ đối với cơ quan chuyên trách phòng, chống ma túy, người làm công tác cai nghiện ma túy tại các cơ sở cai nghiện ma túy công lập; (iii) Khuyến khích người nghiện ma túy tự nguyện cai nghiện ma túy và điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế; và (iv) Khuyến khích nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và ứng dụng công nghệ cao trong phòng, chống ma túy và cai nghiện ma túy.

(4) Bổ sung quy định xác định rõ các cơ quan chuyên trách phòng, chống tội phạm về ma túy.

(5) Bổ sung một số tiền chất, nguyên liệu làm thuốc, tiền chất dùng làm thuốc, thuốc thú y có chứa chất ma túy hoặc tiền chất v.v. và hoạt động tạm nhập, tái xuất; tạm xuất, tái nhập là những hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy cần phải được kiểm soát.

(6) Bổ sung một chương quy định về quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy trong đó quy định cụ thể: (i) Quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy không phải là biện pháp xử lý vi phạm hành chính; (ii) Các trường hợp bị xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể; người, cơ quan có thẩm quyền xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể; các trường hợp dừng quản lý; (iii) Nội dung, thời hạn quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy; và (iv) Trách nhiệm của Nhà nước, người sử dụng trái phép chất ma túy, gia đình, cơ quan, tổ chức, cộng đồng.

(7) Bổ sung một số quy định mới nâng cao hiệu quả của công tác cai nghiện ma túy, đó là: (i) Các trường hợp bị xác định tình trạng nghiện ma túy, người có thẩm quyền xác định tình trạng nghiện ma túy; (ii) Quy trình cai nghiện ma túy; (iii) Trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã trong quản lý,

kiểm tra, hướng dẫn, tổ chức cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng; (iv) Các trường hợp bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; (v) Thủ tục, hồ sơ đưa người nghiện ma túy đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi đi cai nghiện bắt buộc; (vi) Quy định mang tính chất nguyên tắc về thành lập, hoạt động của cơ sở cai nghiện ma túy công lập và cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện do cá nhân, tổ chức thành lập; (vii) Cai nghiện ma túy cho người Việt Nam ở nước ngoài bị trục xuất về nước do nghiện ma túy và người nước ngoài nghiện ma túy sinh sống ở Việt Nam; và (viii) Trách nhiệm thống kê người nghiện ma túy.

(8) rà soát, sửa đổi, bổ sung trách nhiệm quản lý nhà nước của một số Bộ, ngành bảo đảm phù hợp với nội dung được sửa đổi, bổ sung và bảo đảm tính thống nhất của hệ thống pháp luật.

Ủy ban Thường vụ Quốc hội xin kính trình Quốc hội xem xét, cho ý kiến./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TTCP, các PTTCP;
- Các Bộ: CA, LĐ-TB&XH, QP, YT, TC, TP, NV, NG;
- VPTW, VP CTN, VPCP, VPQH;
- Các Ban: TCTW, KTTW, DVTW, TGTW, NCTW;
- HĐDT, các UB của QH, các Ban của UBTVQH;
- UBTWMTTQVN;
- Lưu: HC, CVĐXH.

e-Pas:

**TM. ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Tòng Thị Phóng